

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Đặng Quang Cường	Ủy viên
Ông Lưu Văn Đông	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc Công ty
Ông Lưu Văn Đông	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Trần Đức Y
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023



UNISTARS INTERNATIONAL AUDITING COMPANY

AUDITING - ACCOUNTING - TAX - TRANSFER PRICING - EVALUATION

「Do The RIGHT Things, In the RIGHT Ways」

Số: 399-24/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/03/2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Đặng Thị Kim Trinh

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2024-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Đoàn Tiến Hưng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1123-2023-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.590.392.315	142.242.163.759
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.598.862.308	21.315.858.835
1 Tiền	111	V.01	2.598.862.308	21.315.858.835
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.613.086.067	45.974.670.839
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	58.634.512.537	48.941.600.732
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.495.784.858	3.633.326.768
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.391.320.962	1.655.684.812
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(2.908.532.290)	(8.255.941.473)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	78.840.256.051	73.297.026.746
1 Hàng tồn kho	141		78.840.256.051	73.297.026.746
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.538.187.889	1.654.607.339
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.085.836.703	774.819.791
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		389.166.065	744.404.900
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	63.185.121	135.382.648
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.090.369.717	31.401.431.991
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.854.061.099	17.628.247.802
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	23.854.061.099	17.628.247.802
- Nguyên giá	222		74.904.776.842	63.999.094.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.050.715.743)	(46.370.846.714)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	9.053.687.168
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.212.000.000	4.572.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		24.308.618	147.497.021
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	24.308.618	147.497.021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		171.680.762.032	173.643.595.750

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		96.613.033.823	103.161.896.093
I. Nợ ngắn hạn	310		96.613.033.823	103.161.896.093
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	62.254.612.036	51.037.891.238
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	12.262.292.834	38.246.355.317
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.938.547.002	243.636.311
4 Phải trả người lao động	314		4.422.095.019	2.846.942.710
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	209.069.665	45.454.544
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.802.479.519	8.878.349.362
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	8.924.000.000	-
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		799.937.748	1.863.266.611
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.067.728.209	70.481.699.657
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	75.067.728.209	70.481.699.657
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		16.606.628.702	16.606.628.702
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.269.589.689	5.683.561.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.269.589.689	5.683.561.137
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		171.680.762.032	173.643.595.750

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Quyên



Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	312.007.996.758	310.175.076.760
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		312.007.996.758	310.175.076.760
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	289.361.023.109	292.557.652.436
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22.646.973.649	17.617.424.324
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	493.900.444	487.414.220
7 Chi phí tài chính	22	VI.04	172.718.342	209.873.611
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		162.773.370	209.873.611
8 Chi phí bán hàng	25	VI.07	2.428.916.323	2.876.477.461
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	8.332.547.991	7.359.211.488
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.206.691.437	7.659.275.984
11 Thu nhập khác	31	VI. 05	1.431.025.240	59.869.159
12 Chi phí khác	32	VI.06	529.139.475	598.292.955
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		901.885.765	(538.423.796)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		13.108.577.202	7.120.852.188
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.838.987.513	1.437.291.051
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.269.589.689	5.683.561.137
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.282,13	1.263,01

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.108.577.202	7.120.852.188
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		4.679.869.029	4.951.774.651
- Các khoản dự phòng	03		-	(117.411.073)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(493.900.444)	(64.816.533)
- Chi phí lãi vay	06		162.773.370	209.873.611
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.457.319.157	12.100.272.844
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.283.176.393)	(7.172.220.289)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.543.229.305)	5.654.948.654
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(17.565.033.955)	22.122.753.197
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(187.828.509)	(134.612.946)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(209.873.611)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.142.650.933)	(2.516.830.758)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(70.000.000)	(70.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(21.334.599.938)	29.774.437.091
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.851.995.158)	(8.481.949.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	40.620.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		11.000.000.000	29.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(11.000.000.000)	(29.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		493.900.444	487.414.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.358.094.714)	(7.953.915.621)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		8.924.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(7.159.240.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.948.301.875)	(4.580.748.190)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.975.698.125	(11.739.988.190)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(18.716.996.527)	10.080.533.280
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		21.315.858.835	11.235.325.555
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	2.598.862.308	21.315.858.835

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y



(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách đơn vị trực thuộc:***

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Công ty chưa đánh giá lại số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư do công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: phí bảo hiểm xe ô tô, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí dụng cụ văn phòng, phần mềm TEKLA, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản phí kiểm toán Báo cáo tài chính tài chính và chi phí lãi vay.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Đây là khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ tiền cho thuê nhà và xử lý các khoản công nợ không phải trả, được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế..

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền		
Tiền mặt	246.500.008	508.819.188
Tiền gửi ngân hàng	2.352.362.300	20.807.039.647
Cộng	2.598.862.308	21.315.858.835

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.212.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	-	-	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	-	-	-	360.000.000
Cộng	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.572.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/11/2021 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 14600425354, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	-	-	1.533.779.121	(1.533.779.121)
Công ty CP May Nam Định	1.370.714.804	-	1.370.714.804	-
Công ty LEPRO - Chi nhánh Hà Nam	1.682.756.812	-	1.682.756.812	-
Công ty CP Đầu tư HICON	811.551.100	-	811.551.100	-
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	(702.018.513)	1.028.662.027	(702.018.513)
Các đối tượng khác	3.392.000.726	(259.491.784)	6.036.990.226	(2.236.781.284)
<i>Nhà máy</i>				
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	1.044.330.215	(647.165.108)	1.044.330.215	(647.165.108)
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	-	-	2.098.516.381	-
Công ty TNHH DONGGUK VINA	2.329.718.130	(1.131.870.790)	2.329.718.130	(1.131.870.790)
Công ty TNHH DONGHUI	4.004.080.469	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Collab Việt Nam	5.255.678.765	-	-	-
Công ty ECOTECH Hưng yên	-	-	162.671.000	-
Công ty TNHH Xây dựng VINACON Nam Khánh	1.325.496.682	-	1.446.432.607	-
Công ty TNHH Han CCO VINA	-	-	871.768.297	-
Công ty TNHH Thiên Phú	3.852.584.238	-	1.212.513.595	-
Công ty CP Sản xuất xuất nhập khẩu khoáng sản Việt	12.976.547.195	-	17.976.547.195	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng công trình 368	2.702.939.685	-	-	-
Công ty TNHH Thái Bình Dương	2.275.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	14.582.451.689	(167.986.095)	9.334.649.222	(2.004.326.657)
Cộng	58.634.512.537	(2.908.532.290)	48.941.600.732	(8.255.941.473)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	25.000.000	819.000
Công ty CP CN WELDCOM	721.940.625	-
<i>Nhà máy</i>		
Công ty CP Đầu tư công nghiệp Tây Nam Đô	163.000.000	163.000.000
Công ty TNHH Xây lắp & Vận tải Tân Đạt	190.000.000	190.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Green Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại và Dịch vụ D4F	-	470.000.000
Công ty CP Phát triển đô thị Hà Nội	-	223.513.400
Công ty TNHH Thiết bị điều hòa ITEC Việt Nam	-	826.257.114
Công ty CP Xây lắp công trình thép SEICO	283.163.000	963.262.200
Các đối tượng khác	2.062.681.233	746.475.054
Cộng	3.495.784.858	3.633.326.768

5. Phải thu khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Phải thu khác	679.425.951	-	1.220.481.206	-
Ông Nguyễn Xuân Tranh	-	-	26.150.000	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	-	669.600.000	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	-	-	-	-
Công ty Long Thái	-	-	300.115.500	-
Các khoản phải thu khác	9.825.951	-	224.615.706	-
<i>Nhà máy</i>	711.895.011	-	435.203.606	-
Phải thu khác	387.329.174	-	146.183.691	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	96.772.112	-	103.269.924	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	38.600.560	-	26.870.066	-
Các khoản phải thu khác	251.956.502	-	16.043.701	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tạm ứng	324.565.837	-	289.019.915	-
Ông Lê Văn Nhuận	66.000.000	-	16.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Anh	21.000.000	-	30.000.000	-
Ông Phan Văn Thắng	14.273.839	-	14.273.839	-
Các đối tượng khác	223.291.998	-	228.746.076	-
Cộng	1.391.320.962	-	1.655.684.812	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán**Văn phòng Công ty**

Công ty CP ENZO VIET	-	-	365.928.468	-
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	-	-	1.533.779.121	-
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	326.643.514	1.028.662.027	326.643.514
Công ty Việt Phát	-	-	580.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung - Cao su	-	-	174.846.325	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung Việt Hàn	-	-	310.688.000	-
Viện nghiên cứu cơ khí	-	-	171.189.300	-
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Đức Phát	76.928.164	23.078.449	-	-
Công ty CP Tập đoàn Sóng Thần	-	-	110.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ HICON	-	-	70.000.000	-
Các đối tượng khác	35.924.214	10.777.264	307.489.785	33.855.713

Nhà máy

Công ty CP Đầu tư phát triển Châu Á	-	-	414.867.067	300.000.000
Công ty TNHH DONGUK VINA	2.263.741.580	1.131.870.790	2.329.718.130	1.197.847.340
Công ty CP Xây dựng số 11	-	-	200.000.000	-
Công ty HASCO	52.808.240	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thái Sơn	115.177.855	-	115.177.855	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH Long Hải	-	-	76.011.000	-
Công ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	-	-	364.410.947	-
Các đối tượng khác	1.044.330.215	397.165.107	3.012.021.568	1.230.996.672
Cộng	5.117.572.295	2.209.040.005	11.664.789.593	3.408.848.120

7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.981.492.595	-	15.171.553.702	-
Công cụ, dụng cụ	32.448.928	-	25.996.996	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.826.314.528	-	58.099.476.048	-
Cộng	78.840.256.051	-	73.297.026.746	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.085.836.703	774.819.791
Phí bảo hiểm xe ô tô	67.895.392	-
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	164.466.977	103.858.283
Dụng cụ văn phòng	478.857.969	233.878.973
Phần mềm TEKLA	289.499.999	436.382.608
Chi phí khác	85.116.366	699.927
b) Dài hạn	24.308.618	147.497.021
Sửa chữa tài sản cố định	24.308.618	121.543.092
Chi phí khác	-	25.953.929
Cộng	1.110.145.321	922.316.812

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2023	13.714.493.180	45.041.881.790	4.920.201.819	322.517.727	63.999.094.516
Mua trong năm	-	432.093.586	-	-	432.093.586
Đầu tư XD CB hoàn thành	9.229.440.940	1.244.147.800	-	-	10.473.588.740
Số dư ngày 31/12/2023	22.943.934.120	46.718.123.176	4.920.201.819	322.517.727	74.904.776.842
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2023	8.302.925.135	35.178.604.200	2.588.502.849	300.814.530	46.370.846.714
Khấu hao trong năm	652.347.172	3.555.104.485	460.750.704	11.666.668	4.679.869.029
Số dư ngày 31/12/2023	8.955.272.307	38.733.708.685	3.049.253.553	312.481.198	51.050.715.743
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	5.411.568.045	9.863.277.590	2.331.698.970	21.703.197	17.628.247.802
Tại ngày 31/12/2023	13.988.661.813	7.984.414.491	1.870.948.266	10.036.529	23.854.061.099

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 24.644.588.971 VND;

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để đảm bảo các khoản vay có giá trị: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	-	-	300.331.900	300.331.900
<i>Nhà máy</i>				
Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	5.002.862.166	5.002.862.166	5.445.681.327	5.445.681.327
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng & Công nghiệp Việt Nam	240.860.722	240.860.722	1.885.390.056	1.885.390.056
Công ty CP Kỹ thuật & Thương mại SBC Việt Nam	1.466.744.250	1.466.744.250	392.325.950	392.325.950
Công ty TNHH Kết cấu thép 568	2.982.003.010	2.982.003.010	3.582.646.810	3.582.646.810
Công ty TNHH Ống thép 190	7.463.771.811	7.463.771.811	1.749.598.359	1.749.598.359
Công ty Thép Xuân Nam	-	-	589.006.320	589.006.320
Công ty TNHH Xây lắp và Vận tải Tân Đạt	-	-	1.395.804.000	1.395.804.000
Công ty TNHH Phú Đức	383.154.521	383.154.521	623.063.662	623.063.662
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Minh An	-	-	631.523.259	631.523.259
Công ty TNHH Kết cấu thép Hoàng Mai	-	-	691.212.774	691.212.774
Công ty CP Đầu tư phát triển Long Thái	100.000.000	100.000.000	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh VLXD & Thương mại Ngọc Thắng	4.433.688.378	4.433.688.378	8.453.356.118	8.453.356.118
Công ty CP VINAS	2.138.124.331	2.138.124.331	-	-
Công ty CP Kết cấu thép số 5	2.278.448.640	2.278.448.640	-	-
Các đối tượng khác	19.628.819.884	19.628.819.884	8.661.816.380	8.661.816.380
Cộng	62.254.612.036	62.254.612.036	51.037.891.238	51.037.891.238

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Văn phòng Công ty		
Công ty TNHH Thái Bình Dương	-	4.687.391.719
Công ty CP Xây dựng Châu Minh Phát	459.797.211	459.797.211
Các đối tượng khác	80.210.939	80.210.939
Nhà máy		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại COLLAB Việt Nam	-	5.731.109.930
Công ty TNHH Thiên Phú	-	11.291.764.938
Công ty TNHH Công trình Cự Lực	1.504.281.180	-
Công ty CP Thanh Xuân	1.800.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Vilai Việt	1.980.978.959	-
Công ty TNHH Dong Hui	-	3.799.148.939
Công ty TNHH DOUM E&C	-	1.316.720.999
Công ty CP Sản xuất và Phân phối Mai Nam	1.581.551.621	5.764.074.261
Các đối tượng khác	4.855.472.924	5.116.136.381
Cộng	12.262.292.834	38.246.355.317

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.483.256.482	3.483.256.482	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.291.051	2.838.987.513	1.142.650.933	1.933.627.631
Thuế thu nhập cá nhân	6.345.260	149.955.380	151.381.269	4.919.371
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	832.718.881	832.718.881	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	243.636.311	7.308.918.256	5.614.007.565	1.938.547.002
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	129.013.701	130.944.954	58.747.427	56.816.174
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.368.947	-	-	6.368.947
Cộng	135.382.648	130.944.954	58.747.427	63.185.121

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Phí kiểm toán	46.296.295	45.454.544
Chi phí lãi vay	162.773.370	-
Cộng	209.069.665	45.454.544

15. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Kinh phí công đoàn	140.091.566	135.528.686
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	-	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	-	350.846.395
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Các khoản phải trả khác	84.857.492	789.197.356
<i>Nhà máy</i>		
Kinh phí công đoàn	787.911.283	626.618.141
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	2.372.482.285	2.372.482.285
Ông Trần Thanh Bình	-	1.127.277.000
Các đối tượng khác	365.193.262	874.455.868
Cộng	5.802.479.519	8.878.349.362

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**16. Vốn chủ sở hữu****16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2022	45.000.000.000	3.191.509.818	5.725.350.790	53.916.860.608
Lãi trong năm trước	-	-	5.683.561.137	5.683.561.137
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
Quỹ đầu tư phát triển	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702
Cộng	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Năm 2023, Công ty không trích lập bổ sung quỹ này.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
Tiền USD	-	83,23
Tiền CAD	140,66	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	312.007.996.758	310.175.076.760
Cộng	312.007.996.758	310.175.076.760

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	289.361.023.109	292.557.652.436
Cộng	289.361.023.109	292.557.652.436

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	196.900.444	289.414.220
Cổ tức được chia	297.000.000	198.000.000
Cộng	493.900.444	487.414.220

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	162.773.370	209.873.611
Lỗ từ thu hồi khoản đầu tư	9.153.605	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	791.367	-
Cộng	172.718.342	209.873.611

5. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý và hủy TSCĐ	-	40.620.000
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	8.777.778	19.249.159
Xử lý công nợ không phải trả	1.422.247.462	-
Cộng	1.431.025.240	59.869.159

6. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ bị hủy	-	463.217.687
Tiền phạt chậm nộp thuế	247.382.133	71.972
Xử lý công nợ không thể thu hồi	274.289.610	135.003.296
Chi phí khác	7.467.732	-
Cộng	529.139.475	598.292.955

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	8.332.547.991	7.476.622.561
Chi phí nhân viên quản lý	3.731.488.605	3.165.014.891
Chi phí vật liệu quản lý	683.498.719	896.656.079
Chi phí đồ dùng văn phòng	380.314.213	306.003.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	779.868.310	537.628.130
Thuế, phí và lệ phí	856.966.606	840.509.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.270.707.292	1.041.094.619
Chi phí bằng tiền khác	629.704.246	689.715.582
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	2.428.916.323	2.876.477.461
Chi phí nhân viên	2.250.876.323	2.619.092.862

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.500.000	40.000.000
Chi phí bằng tiền khác	170.540.000	217.384.599
c) Các khoản giảm chi phí QLDN phát sinh trong năm	-	(117.411.073)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(117.411.073)
Cộng	10.761.464.314	10.235.688.949

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.216.926.196	239.526.948.062
Chi phí nhân công	25.811.326.596	23.106.211.645
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.679.869.029	4.951.774.651
Chi phí dự phòng	-	(117.411.073)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.229.472.308	25.645.276.410
Chi phí khác bằng tiền	1.977.576.823	1.907.295.478
Cộng	289.915.170.952	295.020.095.173

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	313.932.922.442	310.722.360.139
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	312.984.744.147	310.524.360.139
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:	948.178.295	198.000.000
+ Cổ tức	297.000.000	198.000.000
+ Thu nhập đã nộp thuế những năm tài chính trước	651.178.295	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	300.824.345.240	303.601.507.951
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	300.166.605.992	303.337.904.882
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	657.739.248	263.603.069
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.818.138.155	7.186.455.257
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.563.627.631	1.437.291.051
Thuế TNDN bị truy thu bổ sung cho năm 2021 và 2022	275.359.882	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.838.987.513	1.437.291.051

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.269.589.689	5.683.561.137

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.269.589.689	5.683.561.137
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.282,13	1.263,01

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**2.1 Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam
 Công ty CP Kết cấu thép số 5
 Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Mối quan hệ

Đơn vị góp vốn
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

2.2 Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Mua hàng	12.833.170.800	-
Công ty CP Kết cấu thép số 5	12.833.170.800	-

2.3 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khách hàng	488.115.312	488.115.312
Công ty CP Kết cấu thép số 5	488.115.312	488.115.312
Phải thu khác	669.600.000	669.600.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	669.600.000
Phải trả người bán	2.278.448.640	-
Công ty CP Kết cấu thép số 5	2.278.448.640	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Tổng Giám đốc



Trần Đức Y